

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18/10/2019
V/v “tranh chấp hôn nhân gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Hồng Thanh

2. Ông Nguyễn Văn Kiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 18 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị H, sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn NT, xã MĐ, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Đào Văn S, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã L, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đào Thị H trình bày:

Chị và anh Đào Văn S kết hôn 1998, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên Sơn, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh S. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh S hay rượu chè rồi đánh đập vợ con. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh S không thay đổi được. Từ năm 2015, chị đã về nhà đẻ sinh sống, vợ chồng ly

thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không quan tâm đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh S.

Về con chung, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/7/2019, bị đơn là anh Đào Văn S trình bày: anh và chị H kết hôn năm 1998 trên cơ sở kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh tại thôn C, xã L, huyện Tân Yên. Năm 2005, anh chị vào miền Nam sinh sống, đến năm 2015 thì chị H cùng hai con về miền Bắc sinh sống, còn anh thì năm 2017 mới về quê sinh sống. Trong quá trình chung sống, thỉnh thoảng vợ chồng có đánh nhau. Anh chị sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị H vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về con chung, tài sản, công nợ: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, anh S vắng mặt.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị H nộp đơn xin ly hôn anh S có nơi cư trú tại thôn C, xã L, huyện Tân Yên. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: anh S vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh S là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H:

Căn cứ vào lời khai của anh chị và các tài liệu chứng cứ thu thập được. HĐXX thấy, chị H và anh S xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống, thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S hay uống rượu, đánh đập chị H. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Qua xác minh, chính quyền địa phương cũng cho biết, anh chị có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H

và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị H và anh S không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đào Thị H được ly hôn anh Đào Văn S.

2. Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Án phí: chị Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp là theo biên lai số AA/2018/0005806 ngày 17/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Đào Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thế Đăng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Tân Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TỈNH BẮC GIANG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 10 tháng 5 năm 2018.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Giang

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2018/TLST-

HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

** Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Quyển, sinh năm 1974 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đồng Sào 1, xã Quang Tiến, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn: Anh Nguyễn PH Du, sinh năm 1976 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Quyển, xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị Quyển được ly hôn anh Nguyễn PH Du.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về con chung: Chị Quyển xác định không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị Quyển xác định không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Án phí: Chị Vũ Thị Quyển phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0001834 ngày 26/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Vũ Thị Quyển đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 10 tháng 5 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét

xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân